HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 06 /NQ-HĐND	*Nghệ An, ngày 24 tháng 6 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Về kế hoạch phân bổ vốn và giải pháp huy động, lồng ghép các nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 tỉnh Nghệ An

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH ngày 22 tháng 5 năm 2022 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về việc phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 22 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2022/HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh Nghệ An quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Xét Tờ trình số 4473/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025

1. Mục tiêu

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo, đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo. Huy động mọi nguồn lực để tập trung đầu tư phát triển kinh tế, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn, đào tạo kỹ năng nghề, giải quyết việc làm cho người lao động, tăng nhanh thu nhập, nâng cao điều kiện sinh hoạt và chất lượng cuộc sống cho Nhân dân. Hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các huyện nghèo, xã nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn. Phấn đấu hoàn thành đạt và vượt các mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đề ra.

2. Nhiệm vụ cụ thể các dự án thành phần thuộc Chương trình

- Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo:

Xây dựng cơ sở hạ tầng liên kết vùng, thiết yếu, phục vụ dân sinh, sản xuất, lưu thông hàng hóa trên địa bàn các huyện nghèo; hỗ trợ các địa bàn nghèo phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo:

Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao

động, phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc, bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế và mục tiêu giảm nghèo bền vững.

- Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng:

+ Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

Hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững.

+ Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững:

+ Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn tỉnh, gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

+ Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Đẩy mạnh hoạt động đưa người lao động sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hỗ trợ hoạt động đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững, nhất là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động trên địa bàn huyện nghèo.

+ Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

- Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

+ Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo sử dụng dịch vụ viễn thông, tiếp cận thông tin, giảm nghèo về thông tin; nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở; tăng cường thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin thiết yếu cho xã hội; tăng cường tiếp cận thông tin thiết yếu cho cộng đồng dân cư.

+ Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

- Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình:

+ Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

+ Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

Thiết lập quy trình, hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình; tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

Điều 2. Phương án phân bổ kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 và dự toán ngân sách năm 2022

Giao Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và dự toán ngân sách năm 2022 nguồn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh Nghệ An thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo quy định của Quyết định số 652/QĐ-TTg và 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

(Chi tiết tại các phụ lục kèm theo)

Điều 3. Cơ chế, giải pháp huy động và lồng ghép vốn thực hiện Chương trình

1. Thực hiện huy động và lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia theo nội dung và nguyên tắc quy định tại Nghị định 27/2022/NĐ-CP.

2. Việc huy động và lồng ghép phải được xác định khi phê duyệt quyết định đầu tư dự án. Trong đó, phân định rõ được tỷ lệ huy động, cơ cấu từng nguồn vốn được lồng ghép, tránh chồng chéo, trùng lắp.

3. Việc lồng ghép các nguồn vốn phải đảm bảo tuân thủ theo Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công, có mục tiêu và nội dung đầu tư sát đúng với mục tiêu và nội dung đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia và phù hợp với các văn bản quy định liên quan. Lồng ghép nguồn vốn để thực hiện các dự án đầu tư, hoạt động, nội dung có cùng mục tiêu và trên cùng một địa bàn cấp xã, cấp huyện.

4. Quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán vốn lồng ghép được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khoá XVIII, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (để b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT.Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Toà án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website http://dbndnghean.vn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Thái Thanh Quý

Phụ lục số 01

Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 24/6/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Ghi chú
	Tổng cộng	**918.868**	
I	**Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo**	**803.895**	
	UBND huyện Kỳ Sơn	*219.448*	
	UBND huyện Tương Dương	*194.816*	
	UBND huyện Quế Phong	*214.969*	
	UBND huyện Quỳ Châu	*174.662*	
II	**Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**	***114.973***	
1	*Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (phân bổ cho các Trường cao đẳng, trung cấp giáo dục nghề nghiệp công lập)*	*89.301*	
2	*Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững (phân bổ cho Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh)*	*25.672*	

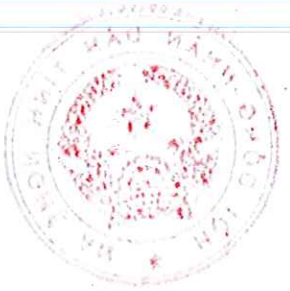

Phụ lục số 02

Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh Nghệ An)

ĐVT : triệu đồng

TT	Nội dung	Kinh phí năm 2022			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		
			Đầu tư phát triển	Sự nghiệp	
	Tổng cộng	**404.160**	**305.531**	**98.629**	
1	**Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo**	**284.571**	**276.516**	**8.055**	*Chi tiết phụ lục 2.1*
2	**Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**	**32.229**		**32.229**	*Chi tiết phụ lục 2.2*
3	**Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**	**13.942**	**-**	**13.942**	
3.1	*Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp*	*13.942*		*13.942*	*Chi tiết phụ lục 2.3*
3.2	*Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng*	-			*Chưa giao*
4	**Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**	**59.109**	**29.015**	**30.094**	
4.1	*Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn*	*50.166*	*26.790*	*23.376*	
	Vốn đầu tư phát triển: Phân bổ cho các Trường cao đẳng, trung cấp giáo dục nghề nghiệp công lập		*26.790*		
	Vốn sự nghiệp			*23.376*	*Chi tiết phụ lục 2.4*
4.2	*Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng*	*1.163*		*1.163*	*Chi tiết phụ lục 2.5*
4.3	*Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững*	*7.780*	*2.225*	*5.555*	*Chi tiết phụ lục 2.6*
5	**Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo**	-	-	-	*Chưa giao*
6	**Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**	**3.472**	**-**	**3.472**	
6.1	*Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin*	*2.377*		*2.377*	*Chi tiết phụ lục 2.7*
6.2	*Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều*	*1.095*		*1.095*	*Chi tiết phụ lục 2.8*
7	**Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình**	**10.837**	**-**	**10.837**	
7.1	*Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình*	*7.079*		*7.079*	*Chi tiết phụ lục 2.9*
7.2	*Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá*	*3.758*		*3.758*	*Chi tiết phụ lục 2.10*

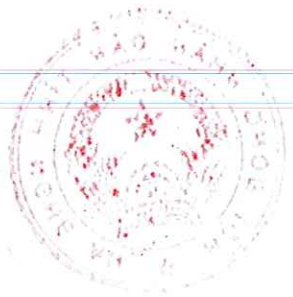

Phụ lục số 2.1

Kế hoạch phân bổ dự toán ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 24/6/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An)

Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Tổng kinh phí	Trong đó		Ghi chú
			Đầu tư phát triển	Sự nghiệp	
	Tổng số	**284.571**	**276.516**	**8.055**	
1	UBND huyện Kỳ Sơn	**77.682,34**	75.483,48	2.198,86	
2	UBND huyện Tương Dương	**68.962,89**	67.010,84	1.952,05	
3	UBND huyện Quế Phong	**76.096,98**	73.943,00	2.153,98	
4	UBND huyện Quỳ Châu	**61.828,80**	60.078,69	1.750,11	

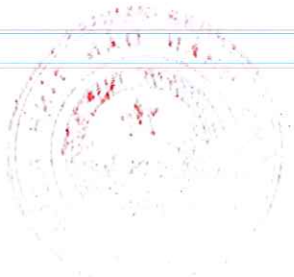

Phụ lục số 2.2

Kế hoạch phân bổ dự toán ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 06 /NQ-HĐND ngày 24/6/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An)

Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

ĐVT: triệu đồng

TT	Đơn vị	Tỷ lệ phân bổ (%)	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
	Tổng số		**32.229**	
I	**Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ban, ngành liên quan**	**15**	**4.834**	Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì tham mưu UBND tỉnh quyết định phân bổ
II	**Các huyện, thành phố, thị xã**	**85**	**27.395**	
1	UBND Thành phố Vinh		873,88	
2	UBND Thị xã Cửa Lò		672,22	
3	UBND Huyện Nam Đàn		821,36	
4	UBND Huyện Hưng Nguyên		917,99	
5	UBND Huyện Nghi Lộc		1.092,35	
6	UBND Huyện Đô Lương		1.260,41	
7	UBND Huyện Diễn Châu		1.386,45	
8	UBND Huyện Yên Thành		1.386,45	
9	UBND Huyện Quỳnh Lưu		1.638,53	
10	UBND Thị xã Hoàng Mai		917,99	
11	UBND Thị xã Thái Hòa		672,22	
12	UBND Huyện Thanh Chương		1.512,49	
13	UBND Huyện Anh Sơn		1.310,82	
14	UBND Huyện Tân Kỳ		1.310,82	
15	UBND Huyện Nghĩa Đàn		1.092,35	
16	UBND Huyện Quỳ Hợp		1.638,53	
17	UBND Huyện Quỳ Châu		1.705,75	
18	UBND Huyện Quế Phong		1.949,43	
19	UBND Huyện Con Cuông		1.256,20	
20	UBND Huyện Tương Dương		1.827,59	
21	UBND Huyện Kỳ Sơn		2.151,09	

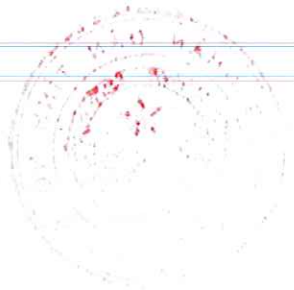

Phụ lục số 2.3

Kế hoạch phân bổ dự toán ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 06 /NQ-HĐND ngày 24/6/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An)

Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

ĐVT: triệu đồng

TT	Đơn vị	Tỷ lệ phân bổ (%)	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
	Tổng số		**13.942**	
I	**Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ban, ngành liên quan**	**2**	**279**	Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu UBND tỉnh quyết định phân bổ
II	**Các huyện, thành phố, thị xã**	**98**	**13.663**	
1	UBND Thành phố Vinh		435,84	
2	UBND Thị xã Cửa Lò		335,26	
3	UBND Huyện Nam Đàn		409,65	
4	UBND Huyện Hưng Nguyên		457,84	
5	UBND Huyện Nghi Lộc		544,80	
6	UBND Huyện Đô Lương		628,62	
7	UBND Huyện Diễn Châu		691,48	
8	UBND Huyện Yên Thành		691,48	
9	UBND Huyện Quỳnh Lưu		817,21	
10	UBND Thị xã Hoàng Mai		457,84	
11	UBND Thị xã Thái Hòa		335,26	
12	UBND Huyện Thanh Chương		754,34	
13	UBND Huyện Anh Sơn		653,76	
14	UBND Huyện Tân Kỳ		653,76	
15	UBND Huyện Nghĩa Đàn		544,80	
16	UBND Huyện Quỳ Hợp		817,21	
17	UBND Huyện Quỳ Châu		850,73	
18	UBND Huyện Quế Phong		972,27	
19	UBND Huyện Con Cuông		626,52	
20	UBND Huyện Tương Dương		911,50	
21	UBND Huyện Kỳ Sơn		1.072,84	

Phụ lục số 2.4

Kế hoạch phân bổ dự toán ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 24/6/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An)

Vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

ĐVT: triệu đồng

TT	Đơn vị	Tỷ lệ phân bổ (%)	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
	Tổng số		**23.376**	
I	**Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ban, ngành liên quan**	**20**	**4.676**	Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì tham mưu UBND tỉnh quyết định phân bổ
II	**Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp**	**40**	**9.350**	
1	Trường Cao đẳng Việt Đức Nghệ An		4.921,05	
2	Trường Trung cấp dân tộc nội trú Nghệ An		4.428,95	
III	**Các huyện, thành phố, thị xã *(Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội)***	**40**	**9.350**	
1	Thành phố Vinh		569,58	
2	Thị xã Cửa Lò		503,86	
3	Huyện Nam Đàn		580,54	
4	Huyện Hưng Nguyên		602,44	
5	Huyện Nghi Lộc		657,21	
6	Huyện Đô Lương		679,12	
7	Huyện Diễn Châu		722,93	
8	Huyện Yên Thành		690,07	
9	Huyện Quỳnh Lưu		744,84	
10	Thị xã Hoàng Mai		602,44	
11	Huyện Quỳ Châu		727,31	
12	Huyện Quế Phong		738,27	
13	Huyện Tương Dương		749,22	
14	Huyện Kỳ Sơn		782,08	

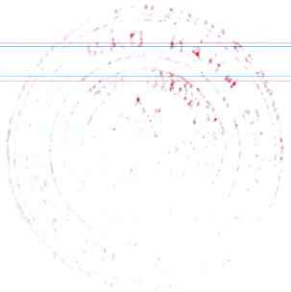

Phụ lục số 2.5

Kế hoạch phân bổ dự toán ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 06 /NQ-HĐND ngày 24/6/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An)

Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 4: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

ĐVT: triệu đồng

TT	Đơn vị	Tỷ lệ phân bổ (%)	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
	Tổng số		**1.163**	
I	**Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ban, ngành liên quan**	**18**	**209**	Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì tham mưu UBND tỉnh quyết định phân bổ
II	**Các huyện nghèo**	**82**	**954**	
1	UBND Huyện Quỳ Châu		194,30	
2	UBND Huyện Quế Phong		264,96	
3	UBND Huyện Tương Dương		211,97	
4	UBND Huyện Kỳ Sơn		282,62	

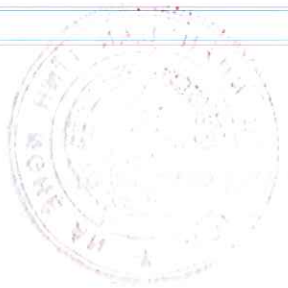

Phụ lục số 2.6

Kế hoạch phân bổ dự toán ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 24/6/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An)

Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4: Hỗ trợ việc làm bền vững

ĐVT: triệu đồng

TT	Đơn vị	Tỷ lệ phân bổ (%)	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
	Tổng số		**7.780**	
I	**Vốn đầu tư phát triển** (cấp cho Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Nghệ An trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)		**2.225**	
II	**Vốn sự nghiệp** (Cấp cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ban, ngành liên quan và các huyện, thành phố, thị xã)		**5.555**	
1	**Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ban, ngành liên quan**	**10**	**555**	Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì tham mưu UBND tỉnh quyết định phân bổ
2	**Các huyện, thành phố, thị xã**	**90**	**5.000**	
2.1	UBND Thành phố Vinh		239,18	
2.2	UBND Thị xã Cửa Lò		95,67	
2.3	UBND Huyện Nam Đàn		193,14	
2.4	UBND Huyện Hưng Nguyên		181,78	
2.5	UBND Huyện Nghi Lộc		227,22	
2.6	UBND Huyện Đô Lương		263,10	
2.7	UBND Huyện Diễn Châu		328,88	
2.8	UBND Huyện Yên Thành		328,88	
2.9	UBND Huyện Quỳnh Lưu		388,67	
2.10	UBND Thị xã Hoàng Mai		181,78	
2.11	UBND Thị xã Thái Hòa		124,38	
2.12	UBND Huyện Thanh Chương		358,78	
2.13	UBND Huyện Anh Sơn		229,62	
2.14	UBND Huyện Tân Kỳ		229,62	
2.15	UBND Huyện Nghĩa Đàn		191,35	
2.16	UBND Huyện Quỳ Hợp		287,02	
2.17	UBND Huyện Quỳ Châu		217,66	
2.18	UBND Huyện Quế Phong		248,75	
2.19	UBND Huyện Con Cuông		202,11	
2.20	UBND Huyện Tương Dương		233,20	
2.21	UBND Huyện Kỳ Sơn		248,75	

Phụ lục số 2.7

Kế hoạch phân bổ dự toán ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 24/6/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An)

Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6: Giảm nghèo về thông tin

ĐVT: triệu đồng

TT	Đơn vị	Tỷ lệ phân bổ (%)	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
	Tổng số		**2.377**	
I	**Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành liên quan**	**30**	**713**	Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu UBND tỉnh quyết định phân bổ
II	**Các huyện, thành phố, thị xã**	**70**	**1.664**	
1	UBND Thành phố Vinh		54,93	
2	UBND Thị xã Cửa Lò		42,25	
3	UBND Huyện Nam Đàn		51,63	
4	UBND Huyện Hưng Nguyên		57,70	
5	UBND Huyện Nghi Lộc		68,66	
6	UBND Huyện Đô Lương		79,23	
7	UBND Huyện Diễn Châu		87,15	
8	UBND Huyện Yên Thành		87,15	
9	UBND Huyện Quỳnh Lưu		103,00	
10	UBND Thị xã Hoàng Mai		57,70	
11	UBND Thị xã Thái Hòa		42,25	
12	UBND Huyện Thanh Chương		95,07	
13	UBND Huyện Anh Sơn		82,40	
14	UBND Huyện Tân Kỳ		82,40	
15	UBND Huyện Nghĩa Đàn		68,66	
16	UBND Huyện Quỳ Hợp		103,00	
17	UBND Huyện Quỳ Châu		93,91	
18	UBND Huyện Quế Phong		107,33	
19	UBND Huyện Con Cuông		78,96	
20	UBND Huyện Tương Dương		100,62	
21	UBND Huyện Kỳ Sơn		120,00	

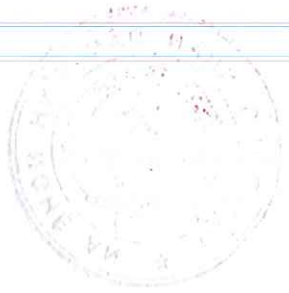

Phụ lục số 2.8

Kế hoạch phân bổ dự toán ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 24/6/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An)

Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

ĐVT: triệu đồng

TT	Đơn vị	Tỷ lệ phân bổ (%)	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
	Tổng số		**1.095**	
I	**Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ban, ngành liên quan**	**35**	**383**	Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì tham mưu UBND tỉnh quyết định phân bổ
II	**Các huyện, thành phố, thị xã *(Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội)***	**65**	**712**	
1	UBND Thành phố Vinh		23,50	
2	UBND Thị xã Cửa Lò		18,08	
3	UBND Huyện Nam Đàn		22,09	
4	UBND Huyện Hưng Nguyên		24,69	
5	UBND Huyện Nghi Lộc		29,38	
6	UBND Huyện Đô Lương		33,90	
7	UBND Huyện Diễn Châu		37,29	
8	UBND Huyện Yên Thành		37,29	
9	UBND Huyện Quỳnh Lưu		44,07	
10	UBND Thị xã Hoàng Mai		24,69	
11	UBND Thị xã Thái Hòa		18,08	
12	UBND Huyện Thanh Chương		40,68	
13	UBND Huyện Anh Sơn		35,26	
14	UBND Huyện Tân Kỳ		35,26	
15	UBND Huyện Nghĩa Đàn		29,38	
16	UBND Huyện Quỳ Hợp		44,07	
17	UBND Huyện Quỳ Châu		40,18	
18	UBND Huyện Quế Phong		45,92	
19	UBND Huyện Con Cuông		33,79	
20	UBND Huyện Tương Dương		43,05	
21	UBND Huyện Kỳ Sơn		51,35	

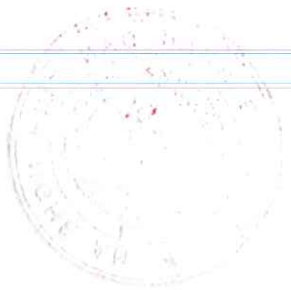

Phụ lục số 2.9

Kế hoạch phân bổ dự toán ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 24/6/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An)

Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 7: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

ĐVT: triệu đồng

TT	Đơn vị	Tỷ lệ phân bổ (%)	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
	Tổng số		**7.079**	
I	**Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ban, ngành liên quan**	**25**	**1.770**	Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì tham mưu UBND tỉnh quyết định phân bổ
II	**Các huyện, thành phố, thị xã *(Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội)***	**75**	**5.309**	
1	UBND Thành phố Vinh		175,26	
2	UBND Thị xã Cửa Lò		134,81	
3	UBND Huyện Nam Đàn		164,72	
4	UBND Huyện Hưng Nguyên		184,10	
5	UBND Huyện Nghi Lộc		219,07	
6	UBND Huyện Đô Lương		252,77	
7	UBND Huyện Diễn Châu		278,05	
8	UBND Huyện Yên Thành		278,05	
9	UBND Huyện Quỳnh Lưu		328,61	
10	UBND Thị xã Hoàng Mai		184,10	
11	UBND Thị xã Thái Hòa		134,81	
12	UBND Huyện Thanh Chương		303,33	
13	UBND Huyện Anh Sơn		262,88	
14	UBND Huyện Tân Kỳ		262,88	
15	UBND Huyện Nghĩa Đàn		219,07	
16	UBND Huyện Quỳ Hợp		328,61	
17	UBND Huyện Quỳ Châu		299,62	
18	UBND Huyện Quế Phong		342,42	
19	UBND Huyện Con Cuông		251,93	
20	UBND Huyện Tương Dương		321,02	
21	UBND Huyện Kỳ Sơn		382,87	

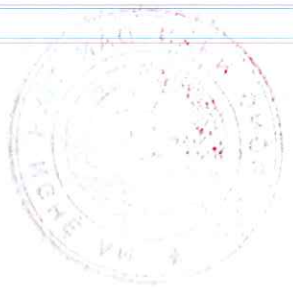

Phụ lục số 2.10

Kế hoạch phân bổ dự toán ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 24/6/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An)

Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 7: Giám sát, đánh giá

ĐVT: triệu đồng

TT	Đơn vị	Tỷ lệ phân bổ (%)	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
	Tổng số		**3.758**	
I	**Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ban, ngành liên quan**	**25**	**939**	Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì tham mưu UBND tỉnh quyết định phân bổ
II	**Các huyện, thành phố, thị xã *(Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội)***	**75**	**2.819**	
1	UBND Thành phố Vinh		93,06	
2	UBND Thị xã Cửa Lò		71,58	
3	UBND Huyện Nam Đàn		87,47	
4	UBND Huyện Hưng Nguyên		97,76	
5	UBND Huyện Nghi Lộc		116,32	
6	UBND Huyện Đô Lương		134,22	
7	UBND Huyện Diễn Châu		147,64	
8	UBND Huyện Yên Thành		147,64	
9	UBND Huyện Quỳnh Lưu		174,48	
10	UBND Thị xã Hoàng Mai		97,76	
11	UBND Thị xã Thái Hòa		71,58	
12	UBND Huyện Thanh Chương		161,06	
13	UBND Huyện Anh Sơn		139,59	
14	UBND Huyện Tân Kỳ		139,59	
15	UBND Huyện Nghĩa Đàn		116,32	
16	UBND Huyện Quỳ Hợp		174,48	
17	UBND Huyện Quỳ Châu		159,09	
18	UBND Huyện Quế Phong		181,82	
19	UBND Huyện Con Cuông		133,77	
20	UBND Huyện Tương Dương		170,46	
21	UBND Huyện Kỳ Sơn		203,30	